

*

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2011

Số 141-CV/VPTW/nb

V/v hướng dẫn thực hiện

Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28-12-2010

Quy định về chế độ đảng phí

Kính gửi: - Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương
- Các đảng ủy khối trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 342-QĐ/TW ngày 28-12-2010 của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí, Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn thực hiện như sau:

I- ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC ĐÓNG ĐẢNG PHÍ CỦA ĐẢNG VIÊN

Thu nhập hằng tháng của đảng viên để tính đóng đảng phí bao gồm: tiền lương, một số khoản phụ cấp; tiền công; sinh hoạt phí; thu nhập khác. Đảng viên xác định được thu nhập thường xuyên, đóng đảng phí theo tỉ lệ (%) của thu nhập hằng tháng (chưa tính trừ thuế thu nhập cá nhân); đảng viên khó xác định được thu nhập thì quy định mức đóng cụ thể hằng tháng cho từng loại đối tượng.

1- Đảng viên trong các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị lực lượng vũ trang:

1.1- Đảng viên trong các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương (tiền lương theo ngạch bậc, tiền lương tăng thêm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền), các khoản phụ cấp tính đóng bảo hiểm xã hội; tiền công.

1.2- Đảng viên trong lực lượng vũ trang nhân dân:

a) Đảng viên trong Quân đội nhân dân:

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp hưởng lương theo cấp bậc quân hàm đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương, các khoản phụ cấp tính đóng bảo hiểm xã hội.

- Hạ sĩ quan, chiến sĩ, mức đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% phụ cấp.

- Công nhân viên quốc phòng, lao động hợp đồng, mức đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương (bao gồm cả tiền lương tăng thêm), các khoản phụ cấp đóng bảo hiểm xã hội, tiền công.

b) Đảng viên trong Công an nhân dân:

- Sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương theo cấp bậc quân hàm, mức đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương, các khoản phụ cấp tính đóng bảo hiểm xã hội.

- Công nhân, viên chức, người lao động hợp đồng, lao động tạm tuyển, mức đóng đảng phí bằng 1% tiền lương (bao gồm cả tiền lương tăng thêm), các khoản phụ cấp đóng bảo hiểm xã hội, tiền công.

- Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn hưởng phụ cấp quân hàm; học sinh, học viên hưởng sinh hoạt phí, mức đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% phụ cấp, sinh hoạt phí.

Đối với đảng viên thuộc các đối tượng trên đây, nếu làm việc trong các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang thì mức đóng đảng phí như đảng viên làm việc trong các doanh nghiệp.

2- Đảng viên hưởng lương bảo hiểm xã hội, đóng đảng phí hằng tháng bằng 0,5% mức tiền lương bảo hiểm xã hội.

3- Đảng viên làm việc trong các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế:

3.1- Đảng viên làm việc trong các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế (sự nghiệp kinh tế, giáo dục, y tế, báo chí...), mức đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương (bao gồm cả tiền lương tăng thêm), phụ cấp tính đóng bảo hiểm xã hội; tiền công.

3.2- Đảng viên làm việc trong các doanh nghiệp, mức đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương, phụ cấp tính đóng bảo hiểm xã hội; tiền công và các khoản thu nhập khác từ quỹ tiền lương của đơn vị. Đối với các đảng viên làm việc trong các doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp liên doanh, công ty cổ phần (Nhà nước không nắm cổ phần chi phối); doanh nghiệp tư nhân, đảng viên tự kê khai tiền lương, phụ cấp lương tính đóng đảng phí với chi bộ; trường hợp khó xác định được tiền lương thì mức đóng đảng phí tối thiểu bằng 1% mức tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của Nhà nước.

4- Đảng viên khác ở trong nước:

4.1- Đảng viên thuộc các ngành nghề nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lao động tự do...:

a) Trong độ tuổi lao động:

- Khu vực nội thành thuộc các thành phố trực thuộc Trung ương đóng đảng phí 10.000 đồng/tháng.

- Khu vực nội thành đô thị loại I, loại II, loại III của các tỉnh trực thuộc Trung ương đóng đảng phí 8.000 đồng/tháng.

- Khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo (địa bàn khu vực III theo quy định của Chính phủ) đóng đảng phí 4.000 đồng/tháng.

- Các khu vực còn lại đóng đảng phí 6.000 đồng/tháng.

b) Đối với đảng viên ngoài độ tuổi lao động (trên 55 tuổi đối với nữ, trên 60 tuổi đối với nam); đảng viên là thương binh, bệnh binh, người mất sức lao động, mức đóng đảng phí bằng 50% đảng viên trong độ tuổi lao động theo từng khu vực.

4.2- Đảng viên là học sinh, sinh viên không hưởng lương, phụ cấp, mức đóng đảng phí 3.000 đồng/tháng.

4.3- Đảng viên là chủ trang trại; chủ cửa hàng thương mại, sản xuất, kinh doanh dịch vụ, mức đóng đảng phí theo các khu vực như sau : Khu vực nội thành thuộc các thành phố trực thuộc Trung ương đóng đảng phí 30.000 đồng/tháng.

- Khu vực nội thành đô thị loại I, loại II, loại III của các tỉnh trực thuộc Trung ương đóng đảng phí 25.000 đồng/tháng.

- Khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo (địa bàn khu vực III theo quy định của Chính phủ) đóng đảng phí 15.000 đồng/tháng.

- Các khu vực còn lại đóng đảng phí 20.000 đồng/tháng.

5- Đảng viên sống, học tập, làm việc ở ngoài nước:

5.1- Đảng viên ra ngoài nước theo diện được hưởng lương hoặc sinh hoạt phí: cơ quan đại diện (kể cả phu nhân, phu quân); doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài và lưu học sinh, chuyên gia, cộng tác viên..., mức đóng đảng phí bằng 1% tiền lương hoặc sinh hoạt phí.

5.2- Đảng viên đi du học tự túc; đảng viên đi xuất khẩu lao động; đảng viên đi theo gia đình, đảng viên là thành phần tự do làm ăn sinh sống:

a) Đảng viên đi du học tự túc, đảng viên đi theo gia đình, đảng viên là thành phần tự do làm ăn sinh sống:

- Đảng viên đi du học tự túc, đảng viên đi theo gia đình, mức đóng là 2 USD/tháng.

- Đảng viên là thành phần tự do làm ăn sinh sống; kinh doanh, dịch vụ nhỏ, mức đóng là 3 USD/tháng.

b) Đảng viên đi xuất khẩu lao động :

- Làm việc tại các nước thuộc các nước công nghiệp phát triển và các nước có mức thu nhập bình quân trên đầu người cao (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan...), mức đóng đảng phí hằng tháng là 4 USD/tháng.

- Làm việc tại các nước còn lại, mức đóng hằng tháng là 2 USD/tháng.

5.3- Đảng viên là chủ hoặc đồng chủ sở hữu các doanh nghiệp, khu thương mại, mức đóng đảng phí tối thiểu hằng tháng là 10 USD/tháng.

6- Đảng viên có nhiều nguồn thu nhập thì tính đóng đảng phí theo thu nhập ở cơ quan, đơn vị hoặc tại địa bàn nơi đảng viên sinh hoạt đảng.

7- Các khoản phụ cấp, trợ cấp được trả bằng hiện vật; các khoản phụ cấp không tính đóng bảo hiểm xã hội; trợ cấp chính sách xã hội như: trợ cấp người hoạt động cách mạng trước năm 1945, trợ cấp Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh

hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, trợ cấp thương tật, trợ cấp thân nhân liệt sĩ, trợ cấp nhiễm chất độc da cam.... không tính vào thu nhập để tính đóng đảng phí .

8- Khuyến khích đảng viên thuộc mọi đối tượng trên đây tự nguyện đóng đảng phí cao hơn mức quy định nhưng phải được chi uỷ đồng ý.

9- Đảng viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nếu có đơn đề nghị miễn hoặc giảm mức đóng đảng phí, chi bộ xem xét, báo cáo lên cấp uỷ cơ sở quyết định.

II- QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẢNG PHÍ

1- Trích, nộp đảng phí thu được

1.1. Ở trong nước

a) Các chi bộ và đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở :

- Các chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn; các chi bộ đại đội; chi bộ đồn, tàu biên phòng, tàu hải quân, tàu cảnh sát biển; các chi bộ đài, trạm ra đa; chi bộ đóng quân ở các xã biên giới vùng sâu, vùng xa, trên các đảo được trích lại 50%, nộp lên cấp uỷ cấp trên 50%.

- Các chi bộ còn lại và các đảng bộ bộ phận được trích lại 30%, nộp lên cấp uỷ cấp trên 70%.

b) Đảng bộ, chi bộ cơ sở ở xã, phường, thị trấn được trích để lại 90%, nộp 10% lên cấp uỷ cấp trên.

c) Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; đơn vị lực lượng vũ trang; các doanh nghiệp; các tổ chức kinh tế được trích để lại 70% nộp 30% lên cấp uỷ cấp trên.

d) Các đảng bộ cấp trên cơ sở hoặc được giao quyền cấp trên cơ sở, mỗi cấp được trích để lại 50% nộp 50% lên cấp uỷ cấp trên.

đ) Đảng uỷ khối trực thuộc các tỉnh uỷ, thành uỷ được trích để lại 50%, nộp 50% về cơ quan tài chính của các tỉnh uỷ, thành uỷ.

e) Các tỉnh uỷ, thành uỷ; các đảng uỷ khối trực thuộc Trung ương, Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương được trích để lại 50%, nộp 50% về Văn phòng Trung ương Đảng.

1.2. Ở ngoài nước

a) Chi bộ trực thuộc, đảng bộ trực thuộc đảng uỷ nước sở tại được trích để lại 30% nộp 70% lên cấp uỷ cấp trên.

b) Đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng uỷ Ngoài nước được trích để lại 50% nộp 50% về Đảng uỷ Ngoài nước.

c) Đảng phí thu được của Đảng uỷ Ngoài nước nộp 100% về Văn phòng Trung ương Đảng.

2- Quản lý và sử dụng đảng phí

2.1- Đảng phí được trích để lại ở các cấp được sử dụng như sau:

- Chi bộ trực thuộc, đảng bộ bộ phận, số đảng phí được trích lại chi phục vụ cho hoạt động công tác đảng.

- Các tổ chức cơ sở đảng; tổ chức cấp trên cơ sở đảng không là đơn vị dự toán, số đảng phí trích giữ lại không tính vào định mức chi thường xuyên mà được bổ sung vào nguồn kinh phí hoạt động của các tổ chức đảng.

- Các đảng uỷ khối trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ; các đảng uỷ khối trực thuộc Trung ương, số đảng phí trích để lại được bổ sung vào nguồn kinh phí hoạt động của tổ chức đảng.

- Các huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ trực thuộc tỉnh; tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương; Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương và cơ quan tài chính đảng ở Trung ương, số thu đảng phí được trích giữ lại không tính vào định mức kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị mà được lập quỹ dự trữ của Đảng ở cấp đó. Quỹ dự trữ được dùng bổ sung chi hoạt động của cấp uỷ, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức đảng trực thuộc có khó khăn; cấp uỷ đảng quyết định việc chi tiêu từ quỹ dự trữ.

2.2- Chế độ hạch toán và báo cáo

a) Chế độ hạch toán

a.1- Đối với các tổ chức cơ sở đảng, cấp trên cơ sở đảng không là đơn vị dự toán thực hiện theo Quyết định số 84-QĐ/TW, ngày 01-10-2003 và Thông tư liên tịch số 225/2004/TTLT-BTCQTTV-BTC, ngày 5-4-2004 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính.

a.2- Đối với các tổ chức đảng là đơn vị dự toán thực hiện như sau:

- Số đảng phí thu được ghi:

Nợ TK 111, 112 - Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Có TK 5118 (51181) - Thu đảng phí

- Số đảng phí nộp lên cấp trên ghi:

Nợ TK 5118 (51181) - Thu đảng phí

Có TK 111, 112 - Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

- Cuối kỳ kết chuyển số đảng phí thu được ghi :

+ Đối với các đảng uỷ khối trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ; các đảng uỷ khối trực thuộc Trung ương (không được lập quỹ dự trữ) ghi :

Nợ TK 5118 (51181) - Thu đảng phí

Có TK 461 - Nguồn kinh phí hoạt động

+ Đối với các tổ chức đảng được lập quỹ dự trữ ghi:

Nợ TK 5118 (51181) - Thu đảng phí

- Có TK 463 - Nguồn kinh phí dự trữ
- Sử dụng nguồn kinh phí dự trữ:
- + Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức đảng trực thuộc có khó khăn ghi:
Nợ TK 463 - Nguồn kinh phí dự trữ
Có TK 111, 112 - Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- + Bổ sung chi hoạt động cấp uỷ ghi :
Nợ TK 463 - Nguồn kinh phí dự trữ
Có TK 461 - Nguồn kinh phí hoạt động

b) Chế độ báo cáo

Các cấp uỷ có trách nhiệm tổng hợp thu, nộp, sử dụng đảng phí của cấp mình và toàn đảng bộ, lập báo cáo gửi lên cấp uỷ cấp trên. Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm tổng hợp thu, nộp, sử dụng đảng phí của toàn Đảng, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương.

Chế độ báo cáo thực hiện theo Phụ lục Sổ và Báo cáo thu nộp đảng phí kèm theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Đảng viên đóng đảng phí hằng tháng trực tiếp cho chi bộ. Chi bộ trực thuộc, đảng bộ bộ phận nộp đảng phí lên cấp trên theo tháng; các tổ chức cơ sở đảng còn lại nộp và gửi báo cáo lên cấp trên theo quý, trừ một số địa bàn đặc biệt do tình uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương quy định.

2- Cấp uỷ hoặc cơ quan tài chính đảng cấp trên và uỷ ban kiểm tra các cấp có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn thường xuyên việc thực hiện quy định về chế độ đảng phí.

Hướng dẫn này được phổ biến, quán triệt đến chi bộ, đảng viên và có hiệu lực từ ngày 01-4-2011, thay thế Hướng dẫn số 724-HD/TCQT, ngày 12-10-2001; Công văn số 898-CV/TCQT, ngày 5-12-2001 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương; Quyết định số 912-QĐ/TCQT, ngày 12-10-2001 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cấp uỷ và đảng viên phản ánh về Văn phòng Trung ương Đảng để nghiên cứu, giải quyết.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
Nguyễn Huy Cường
(đã ký)

HƯỚNG DẪN GHI SỔ S01/ĐP

Sổ thu, nộp đảng phí mẫu sổ S01/ĐP dùng cho các chi bộ để theo dõi thu đảng phí của đảng viên và nộp đảng phí của chi bộ lên cấp trên theo quy định.

PHẦN I: THU ĐẢNG PHÍ

Cột A, B: Ghi thứ tự từ 1 đến hết số đảng viên của chi bộ.

Cột 1: Đảng viên được miễn đóng đảng phí thì đánh dấu nhân (X)

Cột 2: Ghi thu nhập tính đóng đảng phí theo quy định, trường hợp đảng viên nộp theo mức quy định cụ thể thì không phản ánh.

Cột 3: Ghi số tiền đảng phí phải nộp theo quy định, những trường hợp đảng viên được miễn đóng đảng phí thì không ghi số tiền.

Cột 4: Ghi số tiền đảng viên nộp đảng phí trong tháng, đảng viên chưa đóng thì bỏ trống không ghi số tiền vào cột này và không ký tên ở cột C.

Cột 5: Ghi số tiền truy thu hoặc nộp thêm do tăng thu nhập của các tháng trước.

Cột 6 = Cột 4 + (cộng) Cột 5.

Cột C: Đảng viên nộp đảng phí ký tên.

Dòng cộng cuối tháng của các cột 3, 4, 5 và 6 để phục vụ phần II sổ S01/ĐP.

PHẦN II: TỔNG HỢP THU, NỘP ĐẢNG PHÍ HÀNG THÁNG

Cột A: Ghi ngày, tháng, năm nộp tiền đảng phí lên cấp trên.

Cột B: Ghi đảng phí của các tháng, quý trong năm.

Cột 1: Lấy số dòng cộng của cột B (phần I) để ghi vào cột này.

Cột 2: Lấy số dòng cộng của cột 1 (phần I) để ghi vào cột này.

Cột 3: Lấy số dòng cộng của cột 4 (phần I) để ghi vào cột này.

Cột 4: Lấy số dòng cộng của cột 5 (phần I) để ghi vào cột này.

Cột 5: Căn cứ vào tỷ lệ được trích giữ lại theo quy định, tính số tiền và ghi vào cột này.

Cột 6: Căn cứ vào tỷ lệ phải nộp lên cấp trên, tính số tiền và nộp đồng thời ghi vào cột này [Cột 6 = lấy số liệu cột 4 - (trừ) số liệu cột 5].

Cột 7: Ghi số đảng phí còn nợ chưa nộp cấp trên theo quy định.

Cột C: Là chữ ký nhận của cán bộ cấp trên nhận tiền đảng phí của chi bộ đã nộp. Ngược lại người của chi bộ khi nộp tiền phải ký vào sổ tổng hợp mẫu sổ S02/ĐP của cấp trên về số tiền mình đã nộp (Đối với chi bộ trực thuộc, đảng bộ bộ phận không phải lập báo cáo B01/ĐP).

Cuối năm cộng các cột: 3, 4 và 5.

Căn cứ số liệu phần I và phần II của sổ S01, tổng hợp thu, nộp đảng phí, Đảng ủy cấp trên tính và xác nhận, ký đóng dấu.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đảng bộ:

Chi bộ:

Mẫu số S01/ĐP ban hành kèm theo Công
văn số 141 -CV-VPTW/nb, ngày 17-3-
2011 của Văn phòng Trung ương Đảng.

SỐ THU, NỢP ĐẢNG PHÍ

Năm

Người ghi sổ

(ký tên)

Ngày tháng năm

T/M cấp ủy

(ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

Họ và tên

PHẦN II: TỔNG HỢP THU, NỢP ĐẢNG PHÍ

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng năm nộp	Thu đảng phí tháng	Tình hình đảng viên		Tình hình đảng phí		Nộp đảng phí lên cấp trên			Ký nhận (người thu đảng phí)
		Tổng số đảng viên đến cuối tháng	Số đảng viên được miễn	Số tiền đảng phí chưa đóng đến cuối tháng	Số tiền đảng phí đã thu	Đảng phí được trích giữ lại	Đảng phí đã nộp cấp trên	Đảng phí chưa nộp cấp trên	
A	B	1	2	3	4	5	6 = 4-5	7	C
	Tháng 1								
	Tháng 2								
	Tháng 3								
	Cộng quý I								
	Tháng 4								
	Tháng 5								
	Tháng 6								
	Cộng quý II								
	Tháng 7								
	Tháng 8								
	Tháng 9								
	Cộng quý III								
	Tháng 10								
	Tháng 11								
	Tháng 12								
	Cộng quý IV								
	Cộng cả năm								

Xác nhận của Đảng ủy cấp trên về tình hình thu, nộp đảng phí năm.....

- 1- Tổng số đảng viên đến cuối tháng:đồng chí
- 2- Số đảng viên được miễn:đồng chí
- 3- Số tiền đảng phí chưa đóng đến cuối tháng: đồng
- 4- Tổng số tiền đảng phí đã thu:.....đồng
- 5- Đảng phí được trích giữ lại: đồng
- 6- Đảng phí đã nộp cấp trên:đồng
- 7- Đảng phí chưa nộp cấp trên: đồng

Ghi chú: Phần này trang cuối cuốn sổ

.....Ngàythángnăm...

T/M CẤP ỦY
(ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đảng bộ:

Chi bộ:

Mẫu số S02/ĐP ban hành kèm theo Công
văn số 141-CV-VPTW/nb, ngày 17-3-
2011 của Văn phòng Trung ương Đảng.

SỔ TỔNG HỢP THU, NỘP ĐẢNG PHÍ

Năm

(Dùng cho đảng ủy bộ phận trở lên)

Người ghi sổ

(ký tên)

Ngày tháng năm....

T/M cấp ủy

(ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

Họ và tên

BÁO CÁO THU, NỘP ĐẢNG PHÍ

Tháng (hoặc) quý năm

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Đảng bộ xã, phường, thị trấn	Đảng bộ doanh nghiệp	Đảng bộ khác	Cộng
A	B	C	D	1	2	3	4=1+2+3
I	Tổng số đảng viên đến cuối kỳ báo cáo	Người	01				
II	Đảng phí đã thu được từ chi bộ của cấp báo cáo						
1	Kỳ báo cáo	Đồng	02				
2	Từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Đồng	03				
III	Đảng phí trích giữ lại ở các cấp						
1	Kỳ báo cáo (05+06+07)	Đồng	04				
1.1	Chi bộ, đảng bộ bộ phận	Đồng	05				
1.2	Tổ chức cơ sở đảng	Đồng	06				
1.3	Cấp trên cơ sở	Đồng	07				
2	Từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo (09+10+11)	Đồng	08				
2.1	Chi bộ, đảng bộ bộ phận	Đồng	09				
2.2	Tổ chức cơ sở đảng	Đồng	10				
2.3	Cấp trên cơ sở	Đồng	11				
IV	Đảng phí nộp cấp trên của cấp báo cáo						
1	Kỳ báo cáo (02 - 04)	Đồng	12				
2	Từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo (03-08)	Đồng	13				
V	Đảng phí còn nợ chưa nộp cấp trên đến cuối kỳ báo cáo	Đồng	14				

Ngày tháng năm.....

Người lập

(ký, họ tên)

T/M cấp ủy

(ký, đóng dấu)